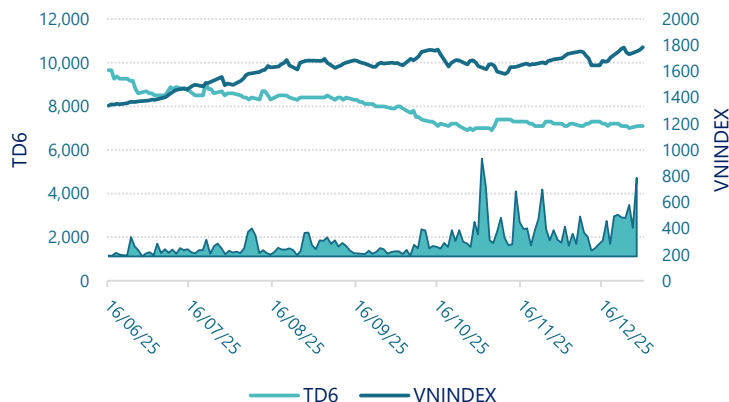




CTCP Than Đào Nai - Cọc Sáu - TKV (HNX: TD6)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,655
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,900
SL cổ phiếu LH	61,935,202
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,485
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	440
P/E	7.5
EPS	944

DT thuần

Q4/25

1,199

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 405 | 51.0%

LN sau thuế

Q4/25

38.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0 | 359%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.5%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2025

5,264

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,370 | 81.9%

LN sau thuế

2025

58.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.10 | -6.6%

ROE

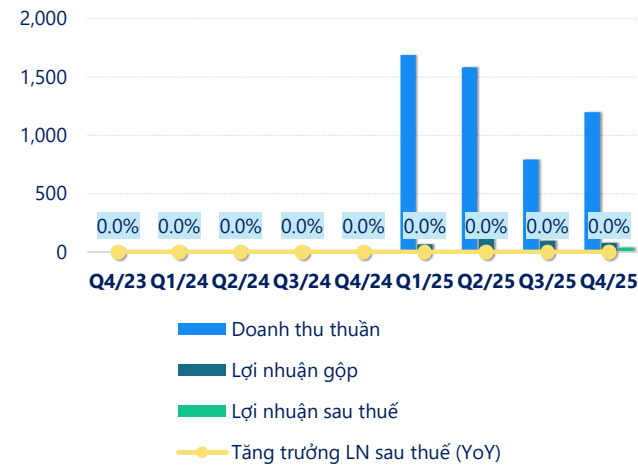
2025

7.9%

#VALUE!

tỷ VNĐ

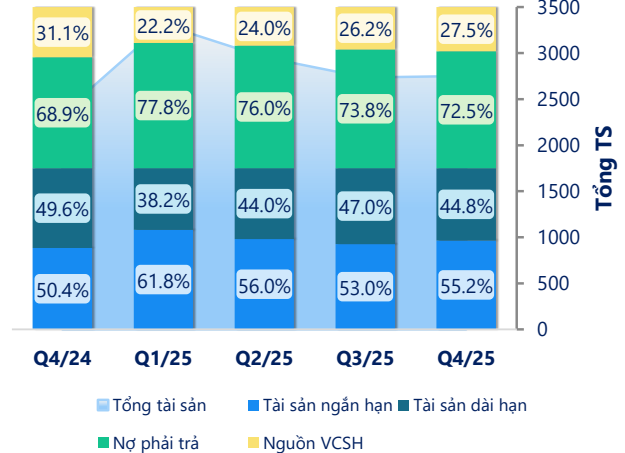
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

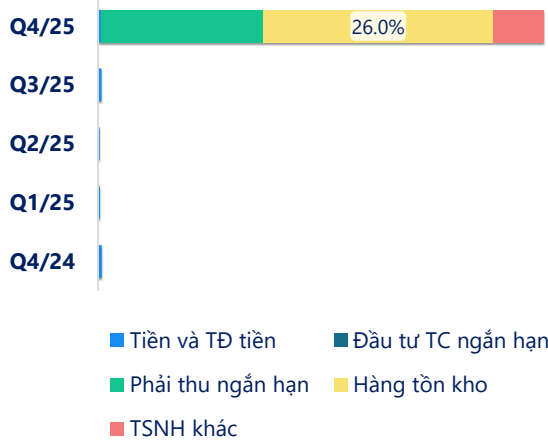
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



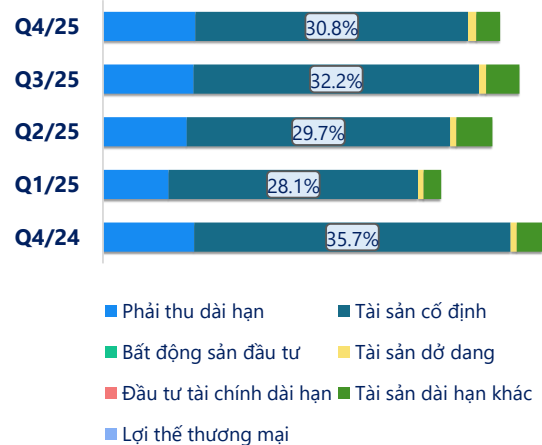
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

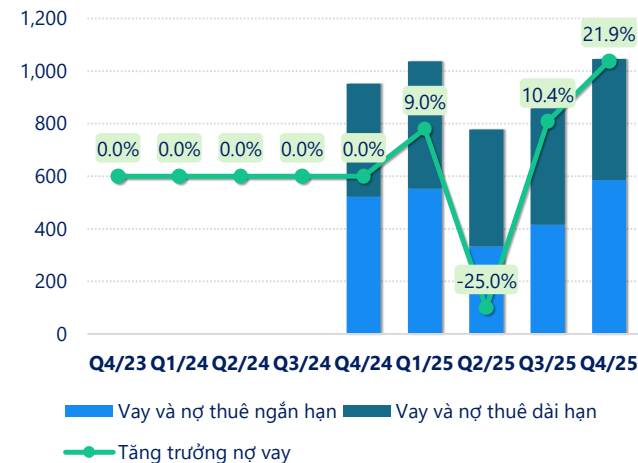
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

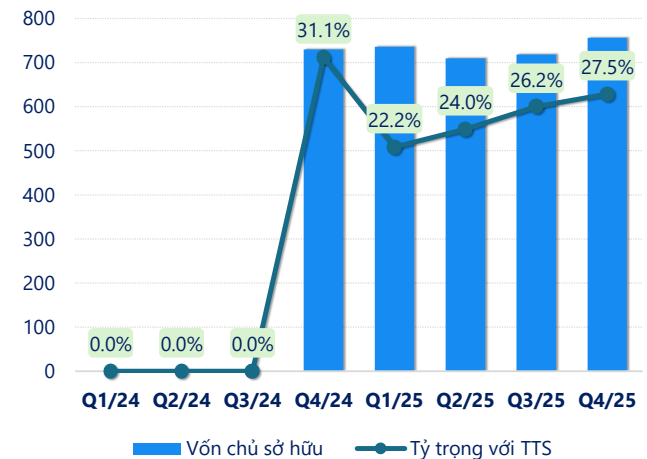
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

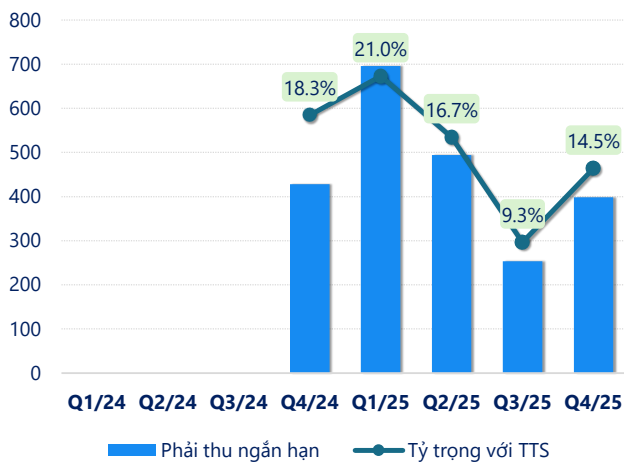
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



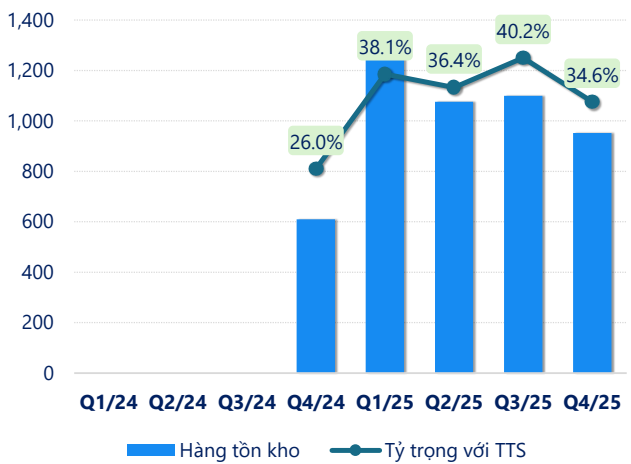
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


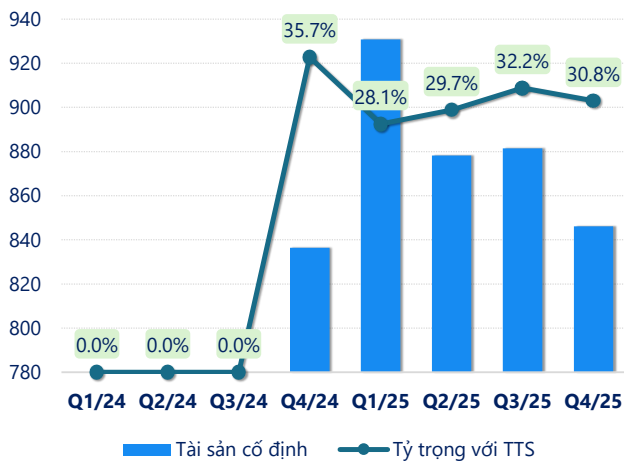
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


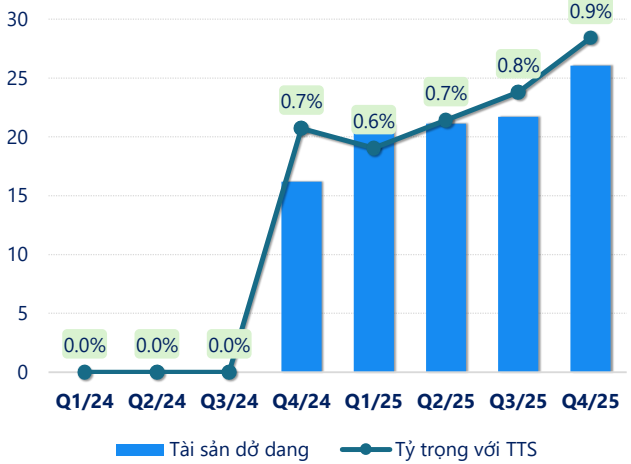
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

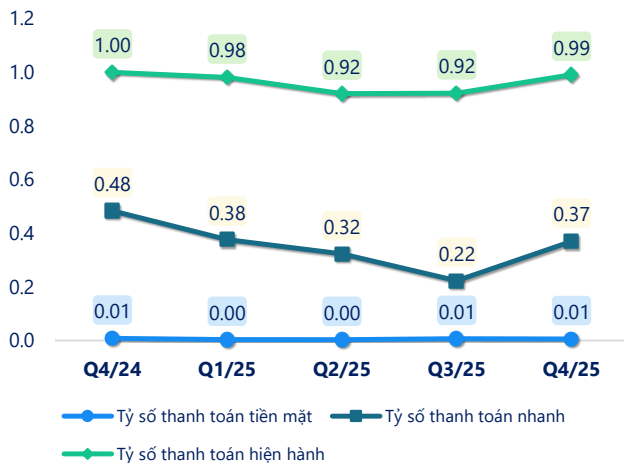
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

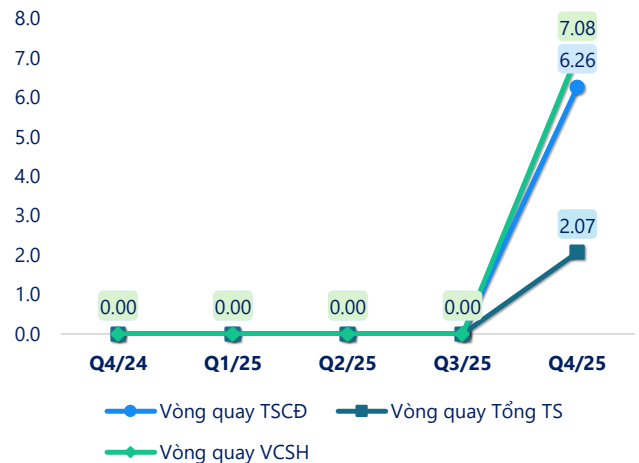
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,344	3,309	2,956	2,735	2,751
Tài sản ngắn hạn	1,182	2,047	1,657	1,449	1,518
Tiền và tương đương tiền	9.40	6.75	5.45	10.5	9.07
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	428	696	494	253	399
Hàng tồn kho	610	1,261	1,076	1,099	952
Tài sản ngắn hạn khác	134	83.0	80.6	86.4	159
Tài sản dài hạn	1,162	1,263	1,299	1,286	1,233
Phải thu dài hạn	242	246	280	280	287
Tài sản cố định	836	931	878	881	846
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	16.2	21.0	21.1	21.7	26.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	68.1	65.3	120	103	73.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,614	2,573	2,246	2,017	1,994
Nợ ngắn hạn	1,183	2,088	1,801	1,573	1,533
Vay và nợ thuê ngắn hạn	522	553	333	415	585
Phải trả người bán ngắn hạn	463	410	201	299	735
Nợ dài hạn	431	486	445	444	462
Vay và nợ thuê dài hạn	430	484	444	443	461
Nguồn vốn chủ sở hữu	730	736	710	718	756
Vốn chủ sở hữu	730	736	710	718	756
Vốn điều lệ	619	619	619	619	619
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)